

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM  
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi;

Xét hồ sơ đăng ký cấp bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hợp Long ngày 23/12/2024; Biên bản đánh giá ngày 08/01/2025.

**CHỨNG NHẬN:**

1. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hợp Long.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300698223.

Địa chỉ: Số 161 Ngô Sĩ Liên, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại: 0914081889.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 161 Ngô Sĩ Liên, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 47.001**

3. Giấy chứng nhận này bổ sung cho Giấy chứng nhận số 1701/SXD-CL&VL ngày 28/8/2023 của Sở Xây dựng Quảng Ngãi và có hiệu lực đến ngày 28/8/2028./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Hợp Long;
- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- GD, PGĐ (N.H Hồng);
- Lưu VT, CL&VL (VT).



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Hồng**

**DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 47.001**

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: /GCN-SXD ngày tháng 01 năm 2025  
của Sở Xây dựng Quảng Ngãi)

<b>STT</b>	<b>TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM</b>	<b>TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)</b>
<b>1</b>	<b>VẬT LIỆU CHỐNG THẤM</b>	
	Khả năng kháng hoá chất	ASTM D1308-02
	Hàm lượng hữu cơ bay hơi	ASTM D3960
<b>2</b>	<b>ỐNG LUÒN DÂY ĐIỆN</b>	
	Thử nén, Thử va đập, thử uốn, độ bền kéo, khả năng mang tải treo	TCVN 7417-1:2010 TCVN 7417-21:2015 TCVN 7417-22:2015 TCVN 7417-23:2004 TCVN 7417-24,25:2015
	Khả năng chống cháy lan	TCVN 9900-2-10,11,12,13:2013 (IEC 60695-2-10,11,12,13:2000) TCVN 9900-11-2,3,4,5,10,11,20,21,40:2013
<b>3</b>	<b>XI MĂNG</b>	
	Giới hạn bền nén, phương pháp nhanh	TCVN 3736:82
	Xi măng - Phương pháp xác định độ mịn	TCVN 13605:2023
	Xi măng xỉ lò cao hoạt hóa sulfate	TCVN 13947:2024
	Phương pháp xác định độ nở thanh vữa trong môi trường nước	TCVN 12003:2018
	Xác định độ nở Autoclave - Xi măng bền Sunfat	TCVN 7711:2013
<b>4</b>	<b>ĐÁT DÙNG TRONG XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ</b>	
	Chuẩn khô mẫu đất	TCVN 14134-1:2024
	Chuẩn bị mẫu ướt mẫu đất	TCVN 14134-2:2024
	Xác định thành phần hạt	TCVN 14134-3:2024
	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo và chỉ số dẻo	TCVN 14134-4:2024
	Xác định đương lượng cát	TCVN 14134-5:2024



<b>5</b>	<b>CÓT LIỆU DÙNG TRONG XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ</b>	
	Xác định lượng vật liệu nhỏ hơn 75 $\mu$ m bằng phương pháp rửa	TCVN 14135-4:2024
	Xác định thành phần hạt bằng phương pháp sàng khô	TCVN 14135-5:2024
	Độ bền kiềm của cốt liệu	ASTM C1260
<b>6</b>	<b>CỬA SỔ VÀ CỬA ĐI</b>	
	Xác định độ cách âm	ISO 10140-1,2,3,4,5:2021, ISO 16283-1,2,3:2016 ISO 3382 -1,2,3
<b>7</b>	<b>SƠN GIAO THÔNG</b>	
	Chống nứt vỡ, Độ kháng cháy, Chống va đập	AASHTO T250-05
	CaCO <sub>3</sub> , bột màu và chất độn trơ, Dioxit Titan	ASTM D1394
	Phân loại hạt và xác định hàm lượng hạt thủy tinh	BS 6088:81
	Vật liệu kẻ đường phản quang – màu sắc	TCVN 10832:2015
<b>8</b>	<b>MÀNG PHẢN QUANG DÙNG CHO BIỂN BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ</b>	
	Hệ số độ sáng ban ngày	ASTM E2301
	Màu sắc ban ngày	ASTM E1347, E1349
	Màu sắc ban đêm	ASTM E811
	Độ dính bám	ASTM D4956
<b>9</b>	<b>VẬT LIỆU GIA CƯỜNG</b>	
	Cường độ kéo đứt mỗi hàn	ASTM D4437, DVS 2225
	Độ bền kéo	ASTM D5035, ISO 13934-1
	Hệ số giãn nở nhiệt	ASTM E831
	Khả năng kháng UV	ASTM G154
	Độ bám dính với nền bê tông	ASTM C882, ISO 10477
	Khả năng hấp thụ nước	ASTM D570
<b>10</b>	<b>MASTIC CHÈN KHE</b>	
	Độ kim lún, Tỷ lệ khôi phục đàn hồi, Độ chảy, Độ dẫn dài ở âm 10 <sup>0</sup> C, Cường độ dính kết với bê tông	ASTM D3407
	Chất trám khe, thi công nóng, cho bê tông xi măng và bê tông nhựa	ASTM 3405

<b>11</b>	<b>ỐNG POLYVINYL CLORUA (PVC)</b>	
	Thử độ kín bằng áp lực suất thủy lực bên ngoài	TCVN 6041:1995
<b>12</b>	<b>MÀNG CHỐNG THẤM HDPE</b>	
	Kiểm tra chất lượng đường hàn bằng phương pháp không phá hủy, Kiểm tra chất lượng đường hàn bằng phương pháp phá hủy	TCVN 11322:2018
<b>13</b>	<b>NGUYÊN LIỆU ống NHỰA, ống NHỰA VÀ PHỤ TÙNG ống</b>	
	Hệ thống ống nhựa và ống dẫn – Xác định độ bền thủy tĩnh dài hạn của vật liệu làm ống nhựa nhiệt dẻo bằng phương pháp ngoại suy	ISO 9080
	Hệ thống ống nhựa – Vật liệu và chi tiết ống polyetylen – Xác định hàm lượng chất bay hơi	EN 12099
	Chất dẻo – Xác định hàm lượng nước	ISO 15512
	Hàm lượng than đen (đối với nguyên liệu màu đen)	ISO 6964
	Độ phân tán	ISO 18553
	Thời gian cảm ứng oxy hóa	ISO 11357-6
	Tốc độ dòng chảy theo khối lượng (MFR) đối với PE 40	ISO 1133:2005, điều kiện D
	Tốc độ dòng chảy theo khối lượng (MFR) đối với PE 63, PE 80 và PE 100	ISO 1133:2005, điều kiện T
	Ống và phụ tùng bằng polyetylen (PE) - Xác định độ bền kéo và kiểu phá hủy của mẫu thử từ mỗi nối nung chảy mặt đầu	TCVN 8201:2009 (ISO 13953:2001)
	Sự phát triển vết nứt chậm kích cỡ ống 110 mm hoặc 125 mm	ISO 13479
	Độ bền thời tiết	ISO 16871
	Độ tách kết dính nội của mối nối bằng phương pháp nung chảy điện	ISO 13954
	Ống nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng – Kích thước và dung sai	TCVN 7093 : 2020 (ISO 11922 : 1997)
	Ống nhựa nhiệt dẻo – Độ bền với hóa chất lỏng	ISO 4433: 1997
	Hệ thống ống nhựa nhiệt dẻo – Phương pháp thử xác định độ bền của tổ hợp ống/ống polyolefin hoặc ống/phụ tùng dưới lực kéo căng	ISO 13951
	Ống và phụ tùng bằng nhựa – Ba chạc polyethylene (PE) có ren – Phương pháp thử độ bền va đập	ISO 13957

	Độ bền kết dính nội đối với phụ tùng đai khởi thủy theo cách nung chảy bằng điện	ISO 13955
	Độ bền áp suất bên trong ngắn hạn, Độ bền đối với tải trọng kéo	TCVN 7305-3:2008
	Mối nối giữa các phụ tùng và ống polyethylene (PE) chịu áp – Phép thử độ kín dưới áp suất bên trong	ISO 3458
	Ống polyetylen (PE) chịu áp – Mối nối được lắp ráp với các phụ tùng để nối bằng phương pháp cơ học – Phép thử áp suất bên trong và yêu cầu	ISO 3459
	Mối nối giữa các phụ tùng và ống polyethylene (PE) chịu áp – Phép thử độ bền kéo	ISO 3501
	Mối nối giữa các phụ tùng và ống polyethylene (PE) chịu áp – Phép thử độ kín dưới áp suất bên trong khi được uốn cong	ISO 3503
	Ngoại quan; Tỷ lệ thay đổi ứng suất kéo tại điểm cháy; Tỷ lệ thay đổi độ bền uốn	ISO 4892-3:2016
	Độ bền áp suất thủy tĩnh	ISO 1167-1.2
	Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống Sprinkler tự động – Phương pháp thử đối với Sprinkler	TCVN 6305-1:2007
	Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống Sprinkler tự động – Phương pháp thử đối với van báo động kiểu ướt, bình làm trễ và chuông nước	TCVN 6305-2:2007
	Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống Sprinkler tự động – Phương pháp thử đối với van ống khô	TCVN 6305-3:2007
	Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống Sprinkler tự động – Phương pháp thử đối với đầu phun nhanh ngăn chặn sớm	TCVN 6305-7:2006
	Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống Sprinkler tự động – Phương pháp thử đối với giá treo ống	TCVN 6305-11:2006
<b>14</b>	<b>THẠCH CAO</b>	
	Hàm lượng hợp chất lưu huỳnh dễ bay hơi	ASTM C471 – 16
<b>15</b>	<b>VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN</b>	
	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực - Que/thanh, ống và sản phẩm định hình ép đùn	TCVN 12513-1 -:- 7:2018 (ISO 6362:2012)
	Thép cốt bê tông - Mối nối bằng ống ren	TCVN 13711:2018
	Đo chiều dày lớp sơn phủ - Chiều dày sơn	TCVN 5878:07; ASTM E376; ASTM D6132; D3363; ASTM B487; ASTM A90;A123;A385; JIS H0401:13

	Thử nghiệm ăn mòn trong môi trường nhân tạo — Thử nghiệm phun muối (Hệ thống lưới thép cường độ cao)	ISO 9227:2022
	Thí nghiệm tấm đệm (Hệ thống lưới thép cường độ cao), Phương pháp xác định khả năng chịu kéo cho vòng kết nối của lưới (Hệ thống lưới thép cường độ cao), Thí nghiệm cho khả năng chịu kéo song song với bờ dốc (Hệ thống lưới thép cường độ cao), Phương pháp xác định khả năng chống xuyên thủng (Hệ thống lưới thép cường độ cao), Phương pháp thí nghiệm các thành phần liên kết (Hệ thống lưới thép cường độ cao)	TCCS 23:2018/TCĐBVN
	Ứng dụng đường sắt - Hàn ray	TCVN 13965: 1-:-3:2024
<b>16</b>	<b>SƠN</b>	
	Sơn và vecni - Thử nghiệm cắt ô	ISO 2409
	Sơn và vecni – Xác định độ bền với chất lỏng	ISO 2812
	Xác định khả năng ngưng tụ nước	ISO 6270
	Xác định khả năng chống lại hơi muối trung tính (sương mù)	ISO 7523
	Xác định hàm lượng chất không bay hơi	ASTM D2369
	Phương pháp đo chiều dày màng khô không phá hủy của lớp phủ không từ tính trên nền sắt	ASTM D1186
	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn; Xác định độ bền nước; Xác định độ bền kiềm; Xác định độ rửa trôi; Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8653:1 -:- 5:2024
	Xác định hàm lượng nước – Phương pháp KARL FISCHER	TCVN 2309:2012
	Sơn và vecni - Xác định hàm lượng kim loại "hòa tan"	TCVN 13950-1-:-7:2024
	Sơn và vecni - Xác định hàm lượng Formaldehyt phát tán từ màng sơn	TCVN 13977:2024
	Sơn và vecni – Phương pháp phơi nhiễm với nguồn sáng phòng thử nghiệm – Đèn hồ quang xenon	TCVN 11608-2:2016
	Sơn và vecni – PP phơi nhiễm với nguồn sáng phòng thử nghiệm – Đèn hồ huỳnh quang tử ngoại	TCVN 11608-3:2016
	Sơn và vecni – Sự phong hoá tự nhiên của lớp phủ	TCVN 9761:2013
	Sơn nhôm	TCVN 13976:2024
	Sơn sẵn dạng nhũ tương nhựa tổng hợp	TCVN 13975:2024

<b>17</b>	<b>SƠN POLYURETHANE BẢO VỆ KẾT CẤU THÉP</b>	
	Thời gian khô, bề ngoài màng sơn, độ bóng 60°, tính phù hợp với lớp phủ trên, tính kết dính giữa các lớp, tính kết dính lớp II (giữa sơn polyuretan loại 1 và 2), khả năng chịu kiềm, khả năng chịu axit, khả năng chịu ẩm và chu kỳ lạnh - nóng, thử nghiệm gia tốc, thử nghiệm tự nhiên.	TCVN 9013:2011
<b>18</b>	<b>NHỰ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG</b>	
	Độ đàn hồi ở 25°C, mẫu kéo dài 20cm	AASHTO T301
	Hàm lượng Polime	AASHTO T302
	Xác định độ nhớt Saybolt Furol, Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ, Xác định hàm lượng hạt quá cỡ, Xác định điện tích hạt, Xác định độ khử nhũ, Thử nghiệm trộn với xi măng, Xác định độ dính bám và tính chịu nước, Thử nghiệm chung cất, Xác định độ bay hơi, Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit, khả năng trộn lẫn với nước, xác định khối lượng thể tích; Xác định độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-2011; ASTM D244-04; AASHTO T59-01; 22TCN 219; 04; ASTM D5892
	Xác định nhiệt độ bắt lửa, xác định hàm lượng nước, thử nghiệm chung cất; Xác định độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế mao dẫn chân không)	TCVN 8818:11; ASTM D2171; AASHTO T201
<b>19</b>	<b>VẬT LIỆU CAO SU</b>	
	Độ giòn tiêu chuẩn của nhựa và chất đàn hồi	ASTM D746
<b>20</b>	<b>MASTIC CHÈN KHE LOẠI RÓT NGUỘI</b>	
	Tác động thời tiết, Nhiệt độ kháng chảy	ASTM D5329
	Khả năng đóng rắn	ASTM D 5893:2016
	Thời gian không dính bề mặt	ASTM C 679:2015
	Độ chảy, Độ phục hồi	ASTM D 5893:2016
	Độ cứng ở điều kiện thường	ASTM C 661:2015
	Độ bền nhiệt	ASTM C 792:2009
	Độ bền xăng dầu	SS-S-200E
	Tốc độ Lún	ASTM C1183
<b>21</b>	<b>VẬT LIỆU KẾT DÍNH</b>	
	Cơ ngót theo chiều dài	EN 12617
	Khả năng đàn hồi khi chịu tải trọng	EN 13412
	Hệ số giãn nở do nhiệt	EN 1770
	Nhiệt độ chuyển sang dạng thủy tinh	EN 12614



	Độ bền (sau khi sốc nhiệt và chịu nóng, ẩm)	EN 13733
	Cường độ bám dính bê tông – thép	EN 1542
	Cường độ bám dính vào bê tông, Độ nhạy với nước	EN 12636
	Độ bền cắt	EN 12615
	Cường độ nén	EN 12190
<b>22</b>	<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>	
	Xác định khả năng kháng ẩm của mẫu đá đầm chặt	TCVN 12914:2020
<b>23</b>	<b>ĐINH PHẢN QUANG</b>	
	Xác định Cường độ sáng	JIS D5500, EN 1463-1, ASTM D4280
<b>24</b>	<b>TIÊU PHẢN QUANG</b>	
	Xác định Kích thước, hình dạng, tầm nhìn ban ngày, ban đêm, màu sắc, độ sáng, hệ số phản quang, thử tĩnh, thử va đập, thử chống ăn mòn, thử trong điều kiện khí hậu tự nhiên, thử chống nước	TCVN 12585:2019
<b>25</b>	<b>LỚP PHÒNG NƯỚC BẢN MẶT CẦU</b>	
	Khả năng hàn vết nứt	AASHTO T259
	Độ hấp thụ nước cột nước	AASHTO TP50-95
<b>26</b>	<b>CÓT LIỆU NHỎ</b>	
	Cát mịn cho bê tông và vữa xây dựng	TCVN 10796:2016
	Cát nhiễm mặn cho bê tông và vữa	TCVN 13754:2023
	Cốt liệu xi cho bê tông	TCVN 13908:2024
<b>27</b>	<b>PHỤ GIA HOÁ HỌC</b>	
	Phụ gia hoá học cho bê tông xác định: Hàm lượng chất khô; Khối lượng riêng; Hàm lượng ion Clo; độ pH; Hàm lượng tro; độ bền băng giá	TCVN 8826:2024
<b>28</b>	<b>THÍ NGHIỆM CƠ LÝ GỖ</b>	
	Xác định độ ẩm cho các phép thử vật lý và cơ học; Xác định khối lượng riêng cho các phép thử vật lý và cơ học; Xác định độ bền khi uốn tĩnh; Xác định modun đàn hồi uốn tĩnh; Xác định độ bền nén vuông góc với thớ gỗ; Xác định độ bền kéo song song với thớ gỗ; Xác định độ bền kéo vuông góc với thớ gỗ; Xác định độ bền cắt song song với thớ gỗ; Xác định độ bền khi uốn va đập; Xác định độ cứng va đập; Xác định độ cứng tĩnh; Xác định độ co rút của gỗ theo phương xuyên tâm, tiếp tuyến; Xác định độ co rút thể tích của gỗ; Xác định độ giãn nở của gỗ theo phương xuyên tâm, tiếp tuyến; Xác định độ giãn nở thể tích của gỗ; Xác định độ bền nén song song với thớ gỗ.	TCVN 13707: 1 -:- 17:2023



	Keo dán – Keo dán gỗ nhiệt dẻo dùng trong ứng dụng phi kết cấu – Xác định độ bền kéo trượt của mối ghép chồng	TCVN 14123:2024
	Keo dán gỗ – Liên kết dán dính gỗ với gỗ – Xác định độ bền nén trượt	TCVN 14124:2024
	Keo dán gỗ – Liên kết dán dính gỗ với gỗ – Xác định độ bền kéo trượt	TCVN 14125:2024
	Gỗ sậy – Xác định ứng suất dư, mức độ nứt vỡ, biến dạng và biến màu	TCVN 14118:2024
<b>29</b>	<b>THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG</b>	
	Thí nghiệm xuyên tĩnh có đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTu)	TCVN 9846:2013
<b>30</b>	<b>CỐT COMPOSITE POLYMER</b>	
	Xác định đường kính danh định, Thử kéo dọc trục, Thử nén, Thử cắt ngang, Xác định cường độ bám dính giới hạn với bê tông, Xác định nhanh độ bền kiềm, Nhiệt độ sử dụng giới hạn	TCVN 11109:2015
<b>31</b>	<b>CHẤT TẠO MÀNG BẢO DƯỠNG BÊ TÔNG</b>	
	Xác định thời gian hình thành màng, tỷ lệ giữ nước hữu hiệu, Tính hoà tan khi thấm nước sau khi tạo màng	ASTM C156
	Thí nghiệm tính chất lắng đọng	ASTM 1309, ASTM D869
	Thời gian khô	ASTM C309
<b>32</b>	<b>KÍNH XÂY DỰNG</b>	
	Xác định độ bền uốn	TCVN 13959: 1 -:-5 :2024
<b>33</b>	<b>BÊ TÔNG</b>	
	Bê tông phun - Phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm trên lõi khoan	TCVN 14181:2024
	Bê tông phun - Chuẩn bị mẫu khoan cắt từ tấm thử	TCVN 14180:2024
	Bê tông – Phương pháp thử tăng tốc cacbonat hóa	TCVN 13929:2024
	Bê tông – Phương pháp xác định tốc độ hút nước	TCVN 13930:2024
	Bê tông – Phương pháp xác định hệ số dịch chuyển clorua	TCVN 13931:2024
	Bê tông – Phương pháp xác định điện trở suất hoặc điện dẫn suất	TCVN 13932:2024
	Bê tông – Phương pháp đo chiều sâu cacbonat hoá	TCVN 13933:2024
	Phương pháp xác định khả năng ức chế ăn mòn thép trong bê tông của phụ gia bằng điện trở phân cực trong nước chiết hồ xi măng	TCVN 13934:2024



	Vật liệu và kết cấu xây dựng – Phương pháp thử nghiệm ngâm nước và làm khô để đánh giá khả năng chịu hư hại khi ngập lụt	TCVN 13935:2024
	Xác định ảnh hưởng của phụ gia hoá học đến ăn mòn cốt thép bê tông trong môi trường clorua	TCVN 13862:2023
	Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén	TCVN 13536-2022
	Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TCVN 13537-2022
<b>34</b>	<b>ĐÁ NHÂN TẠO</b>	
	Xác định khối lượng thể tích và độ hút nước, Xác định độ bền uốn (uốn gãy), Xác định độ mài mòn, Xác định độ bền đóng băng và tan băng, Xác định độ bền sốc nhiệt, Xác định độ bền lỗ chốt, Xác định độ bền va đập, Xác định độ bền hóa học, Xác định hệ số giãn nở nhiệt dài, Xác định độ ổn định kích thước, Xác định độ cách điện, Xác định cường độ chịu nén, Xác định kích thước, đặc điểm hình học và chất lượng bề mặt	TCVN 13943-1-:-16:2024
	Xác định các đặc tính hình học của sản phẩm đá	EN 13373:2020
	Xác định khả năng chống chịu lạnh của đá	EN 12371:2010
	Xác định độ bền uốn của đá dưới tải trọng tập trung	EN 12372:2022
	Xác định khả năng chống mài mòn của đá	EN 14157:2017
	Xác định khả năng chống trượt của bề mặt đá bằng cách sử dụng thiết bị thử nghiệm con lăn	EN 14231:2003
	Xác định độ hút nước của đá bằng cách ngâm trong nước ở áp suất khí quyển	EN 13755:2008
	Xác định khối lượng riêng thực, khối lượng riêng biểu kiến, cũng như độ rỗng mở và độ rỗng tổng của đá	EN 1936:2006
	Tiến hành mô tả thạch học kỹ thuật đối với đá, ngoại trừ đá phiến lợp mái	EN 12407:2019
<b>35</b>	<b>LỚP VẬT LIỆU TÁI CHẾ NGUỘI DÙNG CHO KẾT CẤU ĐƯỜNG Ô TÔ</b>	
	Tái chế nông sử dụng nhựa đường bột và xi măng	TCVN 13150-3:2024
<b>36</b>	<b>ỐNG ĐỊA KỸ THUẬT</b>	
	Thí nghiệm lưu lượng thấm	ISO 11058
	Thí nghiệm rơi côn	ISO 13433

	Thí nghiệm cường độ kéo; Độ giãn dài	ISO 10319
	Thí nghiệm kích thước lỗ biểu kiến	ISO 12956
	Lực kéo mỗi may theo chu vi	ISO 10321
<b>37</b>	<b>GÓI CHỖM CẦU</b>	
	Thử nghiệm nén thẳng đứng, góc xoay, hệ số ma sát, lực đẩy ngang	TCVN 13861:2023
<b>38</b>	<b>CỌC KHOAN HẠ</b>	
	Thí nghiệm vữa chèn hông, vữa gia cố mũi cọc	TCVN 7201:2015

**Ghi chú (\*)** - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

---